TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH XUÂN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **——————**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **245/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12/06/2024
V/v tranh chấp: **Ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà My - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2024 về việc **"Tranh chấp ly hôn"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/05/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/05/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Trần Tuyết H,** sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Số 23/3/149 phố C, phường T, quận T, Hà Nội - Có mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Mạnh T,** sinh năm 1967.

Nơi cư trú: Số 23/3/149 phố C, phường T, quận T, Hà Nội - Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Trần Tuyết H trình bày:

Bà kết hôn với ông Nguyễn Mạnh T trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ô, quận Đ, Hà Nội ngày 09/09/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 20, ngõ 20 phố H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội, sau này chuyển về sống tại số 23/3/149 C, phường T, quận T, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 08 năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng tìm được tiếng nói chung. Dù bà đã cố gắng nhẫn

nhịn để cứu vãn hôn nhân nhưng không có kết quả. Từ khoảng 8 năm nay, mặc dù vợ chồng vẫn ở chung nhà nhưng sống ly thân, ai ở phòng riêng của người đó.

Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thuỷ T, sinh ngày 24/07/1998 và Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 27/08/2000.

Hiện nay các con chung của ông bà đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên bà không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết việc giao nuôi con.

- Về tài sản chung (gồm động sản, bất động sản) và các khoản nợ chung: Nhà đất của vợ chồng tại số 23/3/149 phố C, phường T, quận T, Hà Nội, ông bà đã tặng cho con trai là Nguyễn Mạnh L. Năm 2020, anh L đã đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, ông bà không còn tài sản, nhà ở chung nào khác nên nay ly hôn, bà không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

+ Về các khoản nợ chung: Bà và ông T không có khoản nợ chung nào.

- Bị đơn là ông Nguyễn Mạnh T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án đã kết hợp với đại diện tổ dân phố nơi cư trú ghi lời khai của ông T như sau:

Ông và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau. Mặc dù vợ chồng vẫn ở chung một nhà nhưng sinh hoạt riêng. Nay bà H xin ly hôn ông, quan điểm của ông là không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Nguyễn Thuỷ T, sinh ngày 24/07/1998 và Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 27/08/2000. Do không đồng ý ly hôn nên ông không có quan điểm gì về con chung.

- Về tài sản chung (gồm động sản, bất động sản) và các khoản nợ chung: Ông và bà H không có tài sản, nhà ở chung và nợ chung

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà H trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu được ly hôn ông T vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung, v ề tài sản chung, nhà ở chung, nợ chung: Bà H xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân tham gia phiên toà có quan điểm*:**

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử, thư ký Toà án và những người tham gia tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Thẩm phán đã xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn - bà Trần Tuyết H và bị đơn - ông Nguyễn Mạnh T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận T nên Toà án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều

39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án đã tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 97, 98, 101, 104 Bộ luật tố tụng dân sự; Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:Toà án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã tuân thủ thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự .

Sau khi ra Quyết định xét xử, Tòa án chuyển hồ sơ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và tống đạt hợp lệ đến đương sự;

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký Toà án: Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm, chấp hành đúng các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Thư ký phiên toà đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thư ký quy định tại điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Tuyết H đối với ông Nguyễn Mạnh T, xử cho bà Trần Tuyết H được ly hôn ông Nguyễn Mạnh T; Về con chung: Các con chung của ông bà đã trưởng thành nên không xem xét việc giao nuôi con; Về tài sản chung, nhà ở chung: Không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền, về quan hệ pháp luật có tranh chấp:* Nguyên đơn - bà Trần Tuyết H có đơn xin ly hôn đối ông Nguyễn Mạnh T có địa chỉ cư trú tại số 23 ngách 3 ngõ 149 phố C, phường T, quận T, thành phố Hà Nội, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Bị đơn - ông Nguyễn Mạnh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Tuyết H và ông Nguyễn Mạnh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ô, quận Đ, Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82, quyển số 01 ngày 09/09/1997. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 20, ngõ 20 H, phường Ô, quận Đ, Hà Nội sau đó chuyển về số 23/3/149 C, phường T, quận T, Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 08 năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông T có lời khai không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, Toà án đã triệu tập nhiều lần để tiến hành thủ tục hoà giải giữa các bên đương sự nhưng ông T không đến và cũng không có bất cứ động thái gì giúp cho quan hệ vợ chồng được cải thiện.

Tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà cư trú xác định được, mâu thuẫn của ông bà đã kéo dài nhiều năm, tổ dân phố đã tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của bà H, ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho ông bà ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Ông bà xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thuỷ T, sinh ngày 24/07/1998 và Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 27/08/2000. Hiện nay các con chung của ông bà đã trưởng thành, có cuộc sống riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết việc giao nuôi con.

Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) chung: Ông bà xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nhà ở chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ông bà xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Tuyết H đối với ông Nguyễn Mạnh T.

Xử cho bà Trần Tuyết H được ly hôn ông Nguyễn Mạnh T.

[2]. Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thuỷ T, sinh ngày 24/07/1998 và Nguyễn Mạnh L, sinh ngày 27/08/2000.

Hiện nay các con chung của ông bà đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét việc giao nuôi con.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản chung), các khoản nợ chung: Ông bà xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét

[4]. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012923 ngày 07/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Hà Nội. Bà H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận :
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS Q.Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- TAND T.P Hà Nội

- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy